

TẠO ĐỘNG LỰC HỌC TẬP BẰNG CÁCH GIÚP SINH VIÊN VƯỢT QUA NỖI SỢ HỌC TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Vân *

Tóm tắt: Thực tế cho thấy hiện nay phần lớn sinh viên hiện nay vẫn đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Một trong những nguyên nhân là do sự sợ hãi trong việc học tiếng Anh. Chính nỗi sợ học tiếng Anh là một trong những yếu tố gây nên sự giảm động lực. Bài báo này nhằm chỉ ra một số nguyên nhân khiến sinh viên sợ học tiếng Anh, đồng thời đưa ra một số gợi ý nhằm giúp sinh viên vượt qua nỗi sợ như một cách tạo động lực giúp SV học tiếng Anh hiệu quả.

Từ khóa: Nỗi sợ, động lực, sự giảm động lực, sự giao tiếp, môi trường thân thiện.

Abstract: The fact that most students are still having difficulty in communicating in English. One of the reasons is the fear of learning English. It is the fear of learning English that is one of the factors causing demotivation. This article aims to give some reasons why students are afraid of learning English, as well as recommend some solutions to help students overcome their fear to learn English effectively.

Keywords: Fear, motivation, demotivation, communication, friendly environment.

I. Đặt vấn đề

Trong xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay, việc học ngoại ngữ – đặc biệt là tiếng Anh – đang trở thành nhu cầu thiết yếu của hầu hết mọi người. Mặc dù việc học tiếng Anh đã nhận được sự quan tâm lớn từ xã hội, nhưng thực tế lại cho thấy kết quả học tiếng Anh hiện đang thấp hơn nhiều so với kỳ vọng. Hầu hết sinh viên hiện nay đều đã trải một thời gian học tiếng Anh khá dài, nhiều em học đến 7 năm, 10 năm, hoặc có thể còn lâu hơn. Tuy nhiên, phần lớn lại không thể giao tiếp bằng tiếng Anh, thậm chí năng lực tiếng Anh của rất nhiều em còn hạn chế. Trong quá trình giảng dạy của mình, trở ngại lớn nhất thường xuyên được các giảng viên nhắc đến có lẽ là vấn đề tạo động lực và nhu cầu học tập cho sinh viên.

Dù cho nội dung bài giảng đã được tinh gọn, biến đổi để trở nên thú vị hơn, nhưng dường như vẫn chưa thể khiến sinh viên hoàn toàn chú tâm học để đạt được kết quả như mong muốn. Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến việc học tiếng Anh không hiệu quả. Trong phạm vi bài viết này, tôi xin đề cập đến nguyên nhân của nỗi sợ hãi trong việc học tiếng Anh và một số biện pháp để giúp các em sinh viên vượt qua nỗi sợ để học tiếng Anh hiệu quả hơn.

II. Nguyên nhân nỗi sợ học tiếng Anh của sinh viên

Tâm lý sợ tiếng Anh xuất hiện ở rất nhiều người. Nó cũng giống như một loại bệnh lý về sự ám ảnh. Mỗi khi nhắc đến tiếng Anh là họ chỉ muốn né tránh. Mặc dù vậy, xã hội hiện nay đòi hỏi mỗi sinh viên ra trường phải có trình độ tiếng Anh

* Trường ĐH KD&CN Hà Nội

thì mới có thể thành công, tiến xa hơn trong sự nghiệp và cuộc sống. Tuy nhiên, trong thực tế, có rất nhiều sinh viên vẫn còn có những suy nghĩ sai lầm về việc học tiếng Anh. Họ cho rằng tiếng Anh quá khó, quá phức tạp, từ đó hình thành nên nỗi sợ hãi và dần đánh mất đi động lực học tiếng Anh của mình.

Thứ nhất, rất nhiều sinh viên nghĩ rằng để học tốt tiếng Anh, cần phải có năng khiếu, khả năng thiên bẩm. Các em cho rằng việc chưa học tốt tiếng Anh là do mình không có năng khiếu. Tuy nhiên, đây là một quan niệm sai lầm. Có rất nhiều người có thể sử dụng hai hay nhiều ngôn ngữ khác nhau và không phải ai trong số họ cũng đều có năng khiếu. Năng khiếu có thể giúp chúng ta làm chủ một ngôn ngữ nhanh hơn, nhưng sự kiên trì mới là chìa khóa để giúp chúng ta thành công trong việc học ngoại ngữ, trong đó có tiếng Anh.

Thứ hai, một bộ phận sinh viên cho rằng để giao tiếp bằng tiếng Anh thì phải phát âm chuẩn như người bản ngữ. Suy nghĩ này khiến các em thiếu tự tin, luôn lo sợ mình phát âm sai và ngại giao tiếp bằng một ngôn ngữ khác, nên các em gần như im lặng, kể cả trong các giờ học nói, thậm chí từ chối thể hiện khả năng của mình, dù được giảng viên khuyến khích, mời phát biểu. Đây không phải là một thói quen tốt, vì nó kéo theo sự thụ động trong giao tiếp và cả trong việc tiếp thu. Trên thực tế, không phải tất cả những người giao tiếp bằng tiếng Anh đều phát âm chuẩn như người bản ngữ. Bởi vậy, việc phát âm chuẩn là tốt, nhưng không phải là bắt buộc để mọi người có thể giao tiếp tiếng Anh.

Bên cạnh đó, nhiều sinh viên sợ phát biểu, vì tâm lý sợ mắc lỗi và như vậy sẽ bị thầy, cô phê bình, các bạn trong lớp chê cười. Chính tâm lý sợ sai, sợ bị chê cười khiến cho người học trở nên tự ti, thiếu tích cực trong học tập. Tuy nhiên, ngôn ngữ là kỹ năng, người học cần phải được luyện tập liên tục thì mới có thể thành thạo được. Nếu luôn sợ sai và né tránh luyện tập thì không thể tiến bộ được. Người học cần biết học hỏi, không phải chạy trốn, từ những lỗi sai trong quá trình học tập của mình. Hãy nhớ rằng, lỗi sai là một điều rất bình thường khi chúng ta học những điều mới lạ và việc học từ những sai lầm của chính mình để không bao giờ mắc phải lỗi sai đó nữa cũng là một cách học rất hiệu quả.

Ngoài ra, một nỗi sợ đối với sinh viên học ngoại ngữ là lượng từ vựng lớn. Từ vựng là một phần không thể thiếu trong học ngoại ngữ. Thiếu vốn từ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả của các kỹ năng ngôn ngữ. Không có từ vựng, người học không thể diễn đạt ý của mình khi nói và viết, sẽ gặp khó khăn trong kỹ năng nghe và đọc hiểu. Thực tế chứng minh, người học sẽ gặp vấn đề trong việc học do họ phải đối mặt với những từ mới và không hiểu nghĩa. Việc thiếu vốn từ luôn là một trở ngại đối với người học, đặc biệt trong giai đoạn đầu. Người học sẽ bị mất động lực học, nếu như họ không nắm vững vốn từ vựng tương đối. Vì vậy, họ cảm thấy rất khó khăn khi tiếp cận bài giảng của giảng viên và thấy rằng việc học của bản thân ngày càng khó khăn.

Một sai lầm nữa mà rất nhiều sinh viên năm thứ nhất gặp phải, đó là không thể vượt qua rào cản của bản thân khi mất

gốc. Rào cản này đã tác động tới tâm lý và động lực học tập không còn nữa. Kết quả là các em xem tiếng Anh là nỗi lo và sợ sệt, không dám đối diện và dễ dàng từ bỏ. Tình trạng tự ti về bản thân của sinh viên khá là phổ biến. Việc học không hiểu bài, không có ai giải đáp cặn kẽ những vướng mắc trong quá trình học, hàng loạt kết quả kiểm tra, kết quả thi cử với điểm số thấp đã khiến sinh viên không còn ý chí và quyết tâm với môn học này.

Tóm lại, tâm lý sợ hãi là một đặc tính của con người, và sợ tiếng Anh cũng là một “căn bệnh” nan giải với nhiều sinh viên. Về phía giảng viên, cần có trách nhiệm giúp sinh viên vượt qua nỗi sợ và tìm lại sự tự tin để yêu thích môn học và học tập hiệu quả.

III. Một số biện pháp giúp sinh viên vượt qua nỗi sợ học tiếng Anh

Nỗi sợ học tiếng Anh là một trong những yếu tố gây nên sự giảm động lực. Là những giảng viên trực tiếp đứng lớp, khi hiểu được nguyên nhân khiến cho sinh viên của mình sợ học tiếng Anh, cần tìm ra cách để giúp các em vượt qua nỗi sợ đó. Xin đề cập đến một số giải pháp mà tôi đã giúp sinh viên của mình yêu thích môn học, từ đó có động lực để học tốt hơn.

1. Tạo hứng thú học tập bằng việc xây dựng môi trường thân thiện giữa thầy và trò

Môi trường học tập không tự có sẵn mà giảng viên cần phải tạo lập, phát triển, duy trì và nuôi dưỡng nó. Trong quá trình dạy học, việc xây dựng và duy trì một môi trường hỗ trợ cho việc học tập đối với sinh viên là rất quan trọng. Bên cạnh việc xây dựng nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, việc thiết lập được mối

quan hệ hợp tác tích cực tốt đẹp giữa thầy cô và sinh viên, giữa các sinh viên với nhau cũng sẽ tạo hứng thú cho sinh viên. Hình thức tổ chức dạy học hấp dẫn cùng với một bầu không khí thân ái, dễ chịu trong giờ học sẽ tạo ra sự hứng thú cho cả thầy và trò. Đây là yếu tố quan trọng khiến cho sinh viên cảm thấy yêu thích môn học và tiết học, dần mất đi cảm giác sợ đến giờ học ngoại ngữ. Các biện pháp cụ thể như nhớ tên, nhớ mặt sinh viên, hiểu mức độ tiếp thu của sinh viên, phân loại đối tượng sinh viên để có sự bố trí các hoạt động phù hợp. Ngoài ra, giảng viên còn cần có khả năng biết tự kiểm chế, khả năng đồng cảm với sinh viên để lắng nghe và thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của các em. Việc kiên trì, tỉ mỉ và việc tổ chức quá trình dạy học một cách nhẹ nhàng, tự nhiên, không gây căng thẳng cho sinh viên sẽ giúp tạo nên môi trường học tập thân thiện, cởi mở.

Bản thân tôi thời gian đầu đi dạy, khi chưa có nhiều kinh nghiệm, cũng từng nghĩ là mình lên lớp phải thật nghiêm khắc với học trò để xây dựng nề nếp và thói quen học tập cho các em. Nhiều lúc, sự nghiêm khắc của tôi làm các em trở nên mệt mỏi và chán nản. Kết quả là việc học của các em không có nhiều tiến bộ, mà còn gây không khí căng thẳng nơi lớp học. Dần dần, tôi nhận ra rằng sự nghiêm khắc trong giáo dục là không sai, nhưng khái niệm đó cũng cần được hiểu một cách linh hoạt. Tôi bắt đầu thay đổi. Thay vì chỉ truyền dạy kiến thức, tôi còn dành thời gian để trò chuyện, gần gũi với sinh viên của mình, chia sẻ với các em những trải nghiệm của tôi và nhận về từ các em sự sẻ chia và đồng cảm. Học trò

của tôi cũng bắt đầu thay đổi. Các em cởi mở hơn, thân thiện hơn, tâm sự với tôi về nỗi sợ tiếng Anh và cho rằng các em không thể học được tiếng Anh là do các em không có năng khiếu. Tôi đã cùng các em đặt ra những mục tiêu và cô trò cùng cố gắng đạt được để chứng minh với các em một điều rằng không phải chỉ những người có năng khiếu mới học được ngoại ngữ, mà sự kiên trì, bền bỉ và nhẫn nại mới là chìa khóa của sự thành công.

Không thể phủ nhận rằng việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa thầy và trò mang lại rất nhiều lợi ích. Nó khiến cho mỗi ngày đến trường trở thành một ngày vui, trước hết là đối với mỗi thầy, cô giáo, sau đó là niềm vui được lan tỏa đến chính các em sinh viên. Đại sư Thích Nhất Hạnh đã từng nói: “Thầy, cô giáo hạnh phúc sẽ thay đổi thế giới”. Còn tôi muốn mình hạnh phúc để mang lại sự đổi thay tích cực cho các em sinh viên của mình.

2. Áp dụng công nghệ trong giảng dạy

Giảng dạy tiếng Anh là hoạt động mang tính đặc thù, bởi nó không chỉ cung cấp kiến thức, mà còn giúp người học tri nhận và cảm thụ cả một nền văn hóa thông qua việc học ngôn ngữ. Do vậy, việc tạo ra giờ học tiếng Anh sống động và hiệu quả luôn là mục tiêu của giảng viên thông qua việc thay đổi các phương pháp giảng dạy, tìm hiểu, cập nhật thông tin, trau dồi kiến thức. Việc ứng dụng công nghệ trong giảng dạy nói chung và tiếng Anh nói riêng đã và đang trở thành một phương thức hiệu quả được áp dụng rộng rãi nhằm đạt được tất cả các mục tiêu nói trên.

Khi giảng viên sử dụng công nghệ trong giảng dạy, như sử dụng các bài

giảng điện tử trực quan, sinh động, các phần mềm có tính tương tác, sẽ làm cho sinh viên cảm thấy môi trường học tập tiên tiến, hiện đại và cũng có tác dụng rõ rệt trong việc thu hút sự hứng thú của sinh viên. Thực tế cho thấy, khi học theo phương pháp truyền thống, người học khó ghi nhớ từ và các quy tắc ngữ pháp, từ đó gây nên cảm giác chán nản và sợ học. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của công nghệ, người học có thể dễ dàng ghi nhớ và nhớ lâu các từ mới thông qua hình ảnh và các trò chơi thú vị. Các quy tắc ngữ pháp vốn dĩ khô khan đã được minh họa một cách sinh động, dễ hiểu.

Theo Collis và Moonen (2001), chúng ta có thể ứng dụng công nghệ vào việc giảng dạy tiếng Anh ở 3 mảng chính, bao gồm: 1) Nguồn học liệu (các phần mềm đào tạo, nguồn học liệu số hóa và các video trích xuất trên mạng); 2) Các ứng dụng hỗ trợ dạy học (các phần mềm, các công cụ để giảng dạy, hệ thống tổ kiểm tra và đánh giá); 3) Các ứng dụng liên lạc và truyền thông (email, các mạng xã hội). Thật đáng mừng là trong những năm qua, kể từ khi Khoa Tiếng Anh A đưa giáo trình Speakout vào giảng dạy, cùng với nguồn học liệu số hóa do nhà xuất bản cung cấp, đội ngũ giảng viên trong Khoa đã cùng nhau ứng dụng công nghệ và xây dựng được hệ thống học liệu phong phú, phần nào đó giúp giảng viên có thể mang đến cho sinh viên những giờ học thú vị và bổ ích.

Ngoài nguồn học liệu sẵn có, giảng viên còn có thể tham khảo rất nhiều nguồn học liệu bổ ích trên các trang mạng để làm phong phú thêm cho bài giảng của mình. Tuy nhiên, mặc dù Internet mang

đến cho chúng ta một nguồn dữ liệu vô tận, nhưng đôi khi nó cũng khiến cho sinh viên hoang mang trong việc lựa chọn tài liệu tham khảo. Vì vậy, giảng viên nên giới thiệu với sinh viên những trang web đáng tin cậy để giúp các em tự học nâng cao trình độ, từ đó tự tin hơn vào bản thân. Chẳng hạn như, nhận thấy rất nhiều sinh viên của mình gặp khó khăn trong việc học từ vựng, ngoài thiết kế bài giảng với nhiều hình ảnh trực quan để các em dễ nhớ, dễ thuộc, tôi vẫn thường giới thiệu cho các em các trang web để tự học từ vựng. Những trang web này có giao diện thân thiện, miễn phí, có nhiều hoạt động, các bài học được chia thành nhiều trình độ và có các chủ đề khác nhau để các em có thể lựa chọn những bài học phù hợp với mình. Kết quả là nhiều sinh viên đã có những cải thiện đáng kể về vốn từ, tự tin hơn trong việc giao tiếp với thầy cô và bạn bè. (<https://www.vocabulary.com/>; <https://breakingnewsenglish.com/>; <https://www.vocabulary.com/>; <http://learnenglish.britishcouncil.org/en/vocabulary-games/>);

Rõ ràng là sự phát triển về công nghệ đã góp phần tạo nên những thay đổi đầy tích cực trong quá trình dạy - học, đặc biệt là việc dạy và học ngoại ngữ. Sự hỗ trợ của công nghệ đã giúp sinh viên học nhanh và hiệu quả hơn, từ đó dần xóa tan nỗi sợ học tiếng Anh.

3. Thiết kế câu hỏi và bài kiểm tra, đánh giá phù hợp với trình độ của sinh viên

Chúng ta đều biết một trong những động lực học tập của sinh viên là điểm số. Nhiều sinh viên sợ học tiếng Anh, vì thường xuyên nhận điểm số thấp, từ đó

các em mặc định rằng mình không có khả năng học tiếng Anh. Nhiệm vụ của giảng viên trong quá trình giảng dạy là phải kiểm tra, đánh giá được sự tiến bộ của sinh viên, từ đó có những điều chỉnh phù hợp cho bài giảng nhằm giúp sinh viên tiến bộ. Đánh giá quá trình được xem là một phương thức tạo động lực cho sinh viên và có tác động ngay tức thì đến quá trình học tập. Linn và Miller (2005) xác định kiểm tra, đánh giá quá trình học tập của người học là một quá trình có hệ thống để thu thập thông tin về sự tiến bộ của người học đối với các mục tiêu học tập. Cụ thể hơn, Stassen, Doherty và Poe (2001) định nghĩa kiểm tra, đánh giá trong giáo dục là sự thu thập có hệ thống và phân tích thông tin để cung cấp phản hồi hiệu quả về cách sinh viên đạt được mục tiêu học tập riêng của mình, từ đó cải thiện hoạt động học.

Trong quá trình dạy học, ngoài các bài kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ mà Khoa thiết kế để kiểm tra và đánh giá chung cho sinh viên toàn trường, ở mỗi lớp tôi dạy tôi thường thiết kế riêng hệ thống bài kiểm tra để đánh giá quá trình học tập của sinh viên. Các bài kiểm tra cũng rất đa dạng về hình thức và nội dung, bao gồm những câu hỏi vấn đáp trực tiếp với sinh viên, các bài kiểm tra trắc nghiệm về kiến thức từ vựng, ngữ pháp mà sinh viên vừa được học, hoặc các bài kiểm tra tự luận để kiểm tra cách hành văn của sinh viên. Tuy nhiên, điều tôi chú trọng nhất khi thiết kế các bài kiểm tra là nội dung câu hỏi kiểm tra phải phù hợp với sinh viên của mỗi lớp. Việc này đòi hỏi giảng viên phải đầu tư thời gian soạn bài và hiểu rõ sinh viên của mình, nhưng bù

lại, việc thường xuyên có các bài kiểm tra cho sinh viên sẽ giúp các em tạo thói quen ôn tập bài thường xuyên để tích lũy và nắm vững kiến thức. Tôi muốn các em hiểu rằng, việc học không bao giờ là muộn. Một trong những câu nói luôn truyền động lực cho sinh viên đại học Harvard là: “When you think it’s too late, the truth is, it’s still early” (Khi bạn nghĩ mọi chuyện đã quá muộn, thật ra vẫn còn rất sớm). Ban đầu, nhiều sinh viên chưa quen với việc làm bài kiểm tra có thể sẽ có cảm giác căng thẳng, lo lắng. Tuy nhiên, với việc nội dung câu hỏi phù hợp với trình độ sinh viên và nội dung bài học, chỉ sau một vài bài kiểm tra các em sẽ quen dần và sẽ hứng thú với việc làm bài để cải thiện điểm số. Khi các em thấy điểm số của mình dần tăng lên, các em sẽ tự tin hơn vào bản thân, dần xóa đi mặc cảm tự ti về việc mất gốc hay cho rằng phải có năng khiếu thì mới học được tiếng Anh. Với các câu hỏi vấn đáp, tôi thường lựa chọn những câu hỏi dễ để hỏi những sinh viên yếu hơn nhằm động viên, khích lệ các em, tạo cho các em niềm tin là mình có thể làm được, còn những câu hỏi khó hơn thường dành cho những sinh viên khá để khơi gợi sự ham học hỏi nơi các em.

Việc tiến hành kiểm tra, đánh giá quá trình của người học phụ thuộc rất nhiều vào giảng viên. Giảng viên cần phải hiểu được mục tiêu và mục đích khi sử dụng các bài kiểm tra đánh giá nhằm khuyến khích và tăng cường sự tự tin nơi người học, nhưng đồng thời tránh gây nên sự căng thẳng.

4. Dành những lời động viên, khen ngợi để xoa tan nỗi sợ học tiếng Anh

Khen ngợi trong lớp học là một nguồn tài nguyên quý giá mà mỗi giảng viên đều cố gắng để khai thác. Việc sử dụng những lời khen ngợi có tính mục đích và chiến lược thường xuyên là cách hiệu quả nhất để khích lệ người học. Lời khen là một công cụ đắc lực để giảng viên đưa ra ghi nhận của mình nhằm mục đích giúp người học phát triển bản thân và thay đổi hành vi một cách tích cực. Khen ngợi không đơn thuần chỉ là một lời nói hay là sự đánh giá, nó là cả một-sự-tính-toán-có-mục-đích để truyền tải thông điệp từ giảng viên đến sinh viên. Người ta vẫn thường nói: “lời khen chân thành và đúng lúc là động lực để thay đổi cả một cuộc đời”. Một lời khen tặng đúng lúc như sự tiếp sức, cổ vũ, định hướng cho một người với việc họ đang làm, con đường họ đang đi và tương lai họ đang hướng tới. Việc khen ngợi sẽ làm tăng khả năng hợp tác, sự tham gia, nỗ lực trong các nhiệm vụ học tập. Theo nhiều nghiên cứu việc khen ngợi vẫn có tác dụng ngay cả đối với những sinh viên có vấn đề về hành vi. Vậy tại sao chúng ta không áp dụng chúng trong mỗi giờ học?

Qua thực tế giảng dạy, tôi nhận thấy giá trị của lời khen đối với sinh viên rất quan trọng. Khi các em trả lời câu hỏi hay hoàn thành một nhiệm vụ học tập, nên khen ngợi, tuyên dương kịp thời. Như vậy, sinh viên sẽ rất vui, vì được thầy cô ghi nhận và ở những giờ học tiếp theo, các em sẽ nỗ lực hơn nữa để xứng đáng với lời khen và để tiếp tục nhận những lời khen.

Ngoài ra, mỗi khi sinh viên đưa ra câu trả lời, trước tiên tôi thường cảm ơn các em, sau đó tôi sẽ nói với các em là tôi đã hiểu và đánh giá cao hoặc tôn trọng ý

kiến của các em. Tôi muốn cho các em biết rằng không cần phải phát âm hoàn hảo như những người bản ngữ thì các em mới có thể giao tiếp được, bởi thực tế có đến 75% những người nói tiếng Anh không phải là người bản ngữ. Bên cạnh đó, đối với những lỗi sai của sinh viên, cũng nên nhẹ nhàng giải thích và sửa cho các em. Đôi khi, có những sinh viên mắc rất nhiều lỗi, nhưng không phải lỗi sai nào cũng cần được sửa trước cả lớp. Chỉ nên sửa những lỗi chung, mà nhiều bạn hay mắc phải, để các em không cảm thấy tự ti, xấu hổ vì những lỗi sai của mình; còn những lỗi sai khác, có thể tìm thời điểm thích hợp để sửa cho các em sau. Thêm vào đó, có đôi lúc tôi cũng cố tình mắc một vài lỗi để sinh viên có thể phát hiện và sửa giúp mình. Qua việc làm này, tôi muốn chứng minh với các em một điều rằng, bất cứ ai cũng có thể mắc lỗi và điều đó sẽ giúp các em khắc phục được tâm lý sợ sai khi phát biểu ý kiến.

Thực sự, những lời động viên, khích lệ khi sinh viên hoàn thành một hoạt động trong giờ học tựa như ngọn lửa niềm tin mà không ai khác, chính là các giảng viên đang đứng lớp thấp lên cho các em. Điều này giúp các em càng cố gắng học tập, năng nổ nhiều hơn trong giờ học. Từ đó, tiếng Anh của sinh viên

cũng dần được cải thiện về tất cả các kỹ năng, giúp các em tự tin giao tiếp sau khi tốt nghiệp và ra trường đi làm.

IV. Kết luận

Nỗi sợ học tiếng Anh là khá phổ biến với đại bộ phận sinh viên. Tuy nhiên, khi được các thầy, cô giáo thấu hiểu và đồng cảm, cùng với sự nỗ lực vượt lên chính mình, sinh viên sẽ vượt qua được nỗi sợ để làm chủ tiếng Anh, chìa khóa giúp các em mở ra nhiều cánh cửa cho tương lai. Kinh nghiệm nhiều năm giảng dạy cho tôi thấy tinh thần mới là điều quan trọng nhất để giúp sinh viên có động lực học tập. Chỉ cần các em cảm thấy vui thích mỗi buổi đến lớp, năng lượng tích cực trong các em sẽ được lan tỏa khắp cả lớp để các em tự tin cùng nhau trải nghiệm các hoạt động thú vị, bổ ích trong từng bài giảng. Tôi cũng tin rằng, với mỗi giảng viên đứng lớp, không gì vui hơn khi được nhìn thấy sự trưởng thành từng ngày của sinh viên do mình giảng dạy. Điều đó là động lực, là niềm tin, là sức mạnh giúp cho mỗi thầy, cô giáo vững bước trên con đường hoàn thành sứ mệnh “trồng người”. Chúng ta, những giảng viên của Khoa Tiếng Anh A luôn mong muốn mang đến cho các em sinh viên một môi trường học tập bổ ích, thú vị và đầy ý nghĩa bằng TÂM - TRÍ của chính mình./.

Tài liệu tham khảo

1. Collis, B., & Moonen, J. (2001). *Flexible learning in a digital world: Experiences and expectations*. London: Kogan Page.
2. Linn, R. L. - Miller, M. D. (2005). *Measurement and assessment in teaching (9th ed.)*. UpperSaddle River, NJ: Prentice Hall.
3. Stassen, L.A.S -Doherty, K. -Poe, M. (2001). *COURSEBased Review and assessment - methods for understanding student learning*. University of Massachusetts Amherst. Massachusetts.